

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2019
V/v không công nhận quan hệ hôn nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- T2 ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - T2 ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc không công nhận quan hệ hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Xuân T, nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 28-11-2018, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đinh Xuân T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, được hai bên gia đình đồng ý nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và chị Th sống cùng gia đình anh tại Tổ dân phố X, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Anh chị chung sống vui vẻ, hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, về phát triển kinh tế gia đình nên T2ờng xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù anh chị đã nhiều lần cố gắng khắc phục và được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Sau 06 năm chung sống, đến năm 2009 anh chị đã không

còn chung sống cùng nhau và không còn quan tâm gì đến nhau. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Th là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là Đinh Thị Minh T2, sinh ngày 07-12-2004. Anh yêu cầu được nhận nuôi cháu Th và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con. Anh và cháu T2 hiện sinh sống cùng gia đình tại tổ dân phố x, phường V, quận Đ. Công việc của anh là lái xe taxi và có thu nhập ổn định, đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ghi ngày 25-12-2018, bị đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân hôn nhân: Chị Th trình bày thống nhất với anh T về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian chị và anh T chung sống, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2009, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, không còn sống cùng với anh T nữa. Hiện chị và anh T không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị nhận thấy chị và anh T không còn tình cảm gì với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đinh Thị Minh T2, sinh ngày 07-12-2004. Cháu T2 ở với anh T từ nhỏ, do điều kiện công việc nên chị ít có thời gian chăm sóc con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Th; về con chung, anh yêu cầu được nhận nuôi cháu T2 và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Th đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T; về con chung, chị đề nghị giao cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh T sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án không công nhận quan hệ hôn nhân, bị đơn là chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại Tổ dân phố Đ, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà, bị đơn là chị Th vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th đều trình bày việc tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND phường Vạn Hương và UBND phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, nơi anh chị cư trú từ năm 2003 đến nay đều xác nhận anh T và chị Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 và theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, anh T và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, việc anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Th là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Anh T và chị Th đều thống nhất trình bày có 01 con chung là Đinh Thị Minh T2, sinh ngày 07-12-2004. Tại Kết quả xét nghiệm ADN mã số 070104 ngày 06-7-2015 của Trung tâm Phân tích ADN và Công nghệ di truyền đã kết luận cháu T2 là con của anh T. Anh T và chị Th đều thống nhất thỏa thuận giao cháu T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên gia đình anh T và chị Th đều có đơn đề nghị Tòa án giao cháu T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T2 ở với anh T từ nhỏ đến nay và cháu cũng có đơn đề nghị xin được ở với anh T. Công ty cổ phần vận tải taxi Nguyễn Gia xác nhận anh T đang làm việc tại đây và có thu thập hàng tháng là 10.000.000 đồng thể hiện anh T có công việc và thu nhập ổn định để nuôi dưỡng con. Như vậy, việc anh T và chị Th thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh T và chị Th đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đinh Xuân T và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Anh T và chị Th có 01 con chung là Đinh Thị Minh T2, sinh ngày 07-12-2004. Giao cháu T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét hoặc đến khi anh T và chị Th có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006909 ngày 11-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường